

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-03-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Tr, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn ông Lê Phước H thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Phương Tr tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới vào ngày 16/8/2010. Thời gian qua cuộc sống hôn nhân của cả hai không còn hạnh phúc do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân trên hai năm nay. Hiện tại cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương Tr;

Về con chung: Ông và bà Tr có hai con chung Lê Phước H1, sinh ngày 18/04/2011 và Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 20/9/2019. Khi ly hôn ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Phước H1 và bà Tr nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Khánh B. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương Tr vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến ngày 11/02/2022 gửi Tòa án thể hiện nội dung:

Hôn nhân giữa bà và ông H có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà đồng ý. Bà và ông H có hai con chung Lê Phước H1, sinh ngày 18/04/2011 và Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 20/9/2019. Bà đồng ý để ông H nuôi cháu H1 và bà nuôi cháu B khi ly hôn. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa ngày 08 tháng 03 năm 2022: Nguyên đơn ông Lê Phước H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà Tr. Bà Tr có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Ông H và bà Tr tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới vào ngày 16/8/2010. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông H yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Hiện tại do tình cảm không còn nên ông H, bà Tr đã ly thân trên hai năm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa ông H và bà Tr; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr vắng mặt không tham dự hòa giải nên Tòa án không thể hòa giải, động viên để ông, bà giải quyết mâu thuẫn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H, bà Tr cũng có ý kiến thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử không có

căn cứ duy trì cuộc hôn nhân của ông, bà. Yêu cầu ly hôn của ông H với bà Tr được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông H và bà Tr có hai con chung là Lê Phước H1, sinh ngày 18/04/2011 và Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 20/9/2019. Hiện cháu H1 đang sống với ông H và cháu B đang sống với bà Tr. Khi ly hôn: Ông H có yêu cầu được nuôi cháu H1 và ổn định cho bà Tr được nuôi cháu B; bà Tr cũng đồng ý để ông H nuôi cháu H1 và bà nuôi cháu B. Tại biên bản ghi ý kiến cháu H1 ngày 16/02/2022 cháu H1 có nguyện vọng được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của ông, bà phù hợp với nguyện vọng của cháu H1; đồng thời việc thỏa thuận này cũng ổn định cuộc sống của hai cháu trong gian đoạn hiện nay nếu ông, bà ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu B cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng khi ông, bà ly hôn.

Ông, bà phải tạo điều kiện cho nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Ông H, bà Tr trình bày không có. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Phước H với bà Nguyễn Thị Phương Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 156/KH.MP, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Lê Phước H và Nguyễn Thị Phương Tr ngày 16 tháng 8 năm 2010 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Ông H và bà Tr có hai con chung Lê Phước H1, sinh ngày

18/04/2011 và Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 20/9/2019. Khi ly hôn:

Giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu B cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H, bà Tr phải tạo điều kiện cho nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000866 ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông H đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Phước H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Phương Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu

